TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST.
Ngày: 09 - 02 - 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST – DS ngày 13/01/2023 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 211, Lô A, chung cư A, phường P, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Bà Ngọ Thị Nh – chuyên viên pháp lý công ty Luật T - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 69/172, đường P, phường P, quận B, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T.

Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị T – sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Tại phiên toà vắng mặt bà T lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Ngọ Thị Nh trình bày:

Ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị T có mối quan hệ anh em trong gia đình với Nu. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020, ông N đã cho bà T vay tiền nhiều lần. Đến ngày 05/9/2020, ông N cho bà T vay thêm 20.000.000 đồng và hai bên có chốt nợ với nhau bà T nợ ông N tổng số tiền là: 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*. Hai bên có thỏa thuận bằng giấy viết tay, bà T là người viết giấy, trong giấy không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Nhưng hai bên có thoả thuận bằng lời nói với nhau là thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất sẽ được tính lúc thanh toán nợ gốc. Tuy nhiên, sau đó ông N đã nhiều lần liên hệ với bà T để yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nhưng bà T đều khất lần không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông N.

Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hành vi không thanh toán tiền của bà T là hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà Nh đề nghị Tòa án nhân dân huyện huyện Vĩnh Lộc xem xét giải quyết yêu cầu của ông N như sau: Buộc bà Vũ Thị T phải trả cho ông N số tiền nợ gốc đã vay là: 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*.Về tiền lãi: Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Toà án buộc bà T phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay cho ông N tính từ tháng 10/2020 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất là 10%/năm.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Vũ Thị T trình bày như sau:

Bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Văn N có mối quan hệ anh em trong gia đình. Ông N là anh rể của bà T, lấy chị gái ruột của bà T. Trong năm 2020 bà T có vay của ông Nguyễn Văn N nhiều lần tiền, đến ngày 05/9/2020 bà T vay thêm ông N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và có viết giấy chốt nợ với ông N là bà T có nợ ông Nguyễn Văn N tổng số tiền là 86.500.000 đồng (Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), hẹn ông N xong công việc bà T sẽ trả tiền cho ông N đầy đủ. Trong vòng 01 năm kể từ ngày chốt nợ với ông N, bà T đã trả cho ông N đầy đủ số tiền gốc đã vay, tuy nhiên bà T phải trả dần làm nhiều lần. Vì là anh em trong gia đình nên những lần bà T trả tiền cho ông N, bà T và ông N không viết giấy tờ gì cho nhau. Có những lần bà T trả tiền cho ông N có nhiều người chứng kiến nhưng họ cũng không biết bà T đưa cho ông N bao nhiêu tiền, đó là khoản tiền gì, có những lần trả tiền cho ông N chỉ có bà T và ông N. Có lần ông N gặp bà T để lấy tiền, có lần bà T sang tận nhà ông N (lúc ông N đang ở huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá) để trả nợ cho ông N. Bà T khẳng định trong năm 2021, bà T đã trả hết số tiền nợ gốc là 86.500.000 đồng cho ông N.

Những lần ông N cho bà T vay tiền, ông N có nói số tiền của ông N có thì ông N không lấy lãi của bà T, số tiền ông N phải đi vay người khác giúp bà T thì bà T phải trả lãi cho ông N để ông N trả cho họ. Bà T cũng đồng ý với ông N về tiền lãi như ông N nói. Nhưng ông N cũng không nói trong số tiền ông N cho bà

T vay có bao nhiêu tiền là của ông N và bao nhiêu tiền ông N đi vay hộ cho bà T, bà T và ông N thống nhất bằng lời nói với nhau tiền lãi sẽ tính sau. Khi vay hai bên không thống nhất thời hạn vay là bao lâu, bà T chỉ bảo là xong việc bà sẽ trả tiền cho ông N. Nhưng từ khi viết giấy chốt nợ với ông N thì 04 tháng sau ông N đòi bà T phải trả nợ. Vì không có một lúc nên từ khi ông N đòi tiền bà T đã trả dần cho ông N, trong vòng một năm thì bà T trả xong nợ gốc, cũng không thấy ông N đòi tiền lãi.

Nay ông N làm đơn khởi kiện đòi bà T phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh bà T không đồng ý. Vì, tiền gốc bà đã trả đầy đủ trong năm 2021 cho ông N. Tiền lãi bà T chỉ chấp nhận trả trong thời gian 01 năm kể từ ngày chốt nợ với nhau là từ ngày 05/9/2020 đến ngày 05/9/2021, theo mức lãi suất ông N yêu cầu là 10%/năm trên số tiền nợ gốc bà đã vay là 86.500.000 đồng. Vì bà T không nhớ cụ thể những ngày bà trả tiền cho ông N nên bà T chấp nhận trả lãi trên toàn bộ số tiền gốc bà đã vay trong thời gian 01 năm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị T phải trả số tiền gốc đã vay là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay cho ông N tính từ tháng 10/2020 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Vũ Thị T vay của ông Nguyễn Văn N số tiền là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*. Quá hạn trả nợ bà T vẫn không trả tiền nợ cho ông N nên ông N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ đã vay và số tiền lãi phát sinh tính từ tháng 10/2020. Bà T hiện đang cư trú tại thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Ngọ Thị Nh và bị đơn là bà Vũ Thị T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật

tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về khoản nợ gốc: Căn cứ vào giấy chốt nợ thể hiện: Ngày 05/9, ông N cho bà T vay 20.000.000 đồng, tổng cả nợ cũ và nợ mới bà T nợ ông N là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*, hẹn xong việc sẽ trả cho ông N đầy đủ. Trong giấy chốt nợ không đề năm nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N và bà T đều công nhận giấy chốt nợ do bà T viết vào ngày 05/9/2020. Giấy chốt nợ không ghi thời hạn trả nợ cụ thể mà hai bên chỉ thoả thuận xong việc bà T phải trả tiền cho ông N đầy đủ, cũng không thoả thuận đấy là công việc gì. Tại phiên toà nguyên đơn vẫn khẳng định đến nay bà T vẫn chưa trả nợ cho ông N, cho dù lúc hai bên chốt nợ có thoả thuận bằng lời nói với nhau thời hạn vay là 01 tháng. Bà T công nhận ngày 05/9/2020, bà T có vay thêm ông N 20.000.000 đồng và bà T đã viết giấy chốt nợ với ông N tổng cả nợ cũ và mới là 86.500.000 đồng để lo công việc, xong việc là bà T trả nợ cho ông N đầy đủ. Được 04 tháng sau kể từ ngày chốt nợ ông N đã đòi nợ bà T, vì không có một lúc để trả đủ số tiền vay nợ của ông N nên bà T đã phải trả làm nhiều lần và trong khoảng thời gian 01 năm kể từ ngày chốt nợ bà T đã trả đầy đủ số tiền nợ gốc là 86.500.000 đồng cho ông N.Vì là người nhà với nhau nên khi trả tiền bà T và ông N không viết giấy tờ gì cho nhau. Bà T không công nhận lúc vay hai bên có thoả thuận bằng lời nói với nhau là thời hạn vay 01 tháng. Như vậy khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn. Bà T cho rằng sau khi hai bên chốt nợ được 04 tháng thì ông N đòi tiền đã cho bà T vay, sau khi ông N đòi nợ bà T đã trả dần cho ông N trong vòng 01 năm kể từ ngày chốt nợ. Bà T đã trả hết nợ cho ông N nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả nợ cho ông N. Ông N không công nhận là bà T đã trả nợ. Như vậy, bà Vũ Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà T phải trả cho ông N số tiền nợ gốc đã vay là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Vũ Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc đã vay là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Trong giấy chốt nợ không thể hiện lãi suất, ông N cũng công nhận khoản vay này không có lãi, ông cho bà T vay trong thời hạn 01 tháng nhưng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông yêu cầu bà T phải trả lãi theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền ông cho bà T vay, tính từ tháng 10/2020 cho đến khi bà T trả nợ xong cho ông. Bà T cho rằng khi ông N cho bà T vay ông N có nói số tiền của ông N có thì ông N không lấy lãi, số tiền ông N phải đi vay người khác giúp bà T thì bà T phải trả lãi cho ông N để ông N trả tiền cho họ, bà T cũng đồng ý với ông N. Nhưng ông N không nói cho bà T biết trong số tiền ông N cho bà T vay có bao nhiêu là tiền của ông N và bao nhiêu là tiền ông N đi vay hộ, đến khi

bà T trả hết nợ gốc cho ông N cũng không thấy ông N đòi tiền lãi. Bà T không công nhận khi vay hai bên có thoả thuận thời hạn vay 01 tháng, chỉ thoả thuận khi bà T lo xong việc sẽ trả nợ đầy đủ cho ông N. Sau đó 4 tháng thì ông N đòi nợ bà T và bà T đã trả nợ dần cho ông N, trong năm 2021 bà đã trả xong nợ gốc. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không có lãi suất. Sau 04 tháng kể từ ngày chốt nợ ông N đã đòi nợ bà T và bà T đã đồng ý trả nợ. Như vậy, lãi suất ông N yêu cầu chỉ được tạm tính từ tháng thứ 05 sau khi hai bên viết giấy chốt nợ, tức là ngày 05/01/2021 đến ngày xét xử (09/02/2023) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 4 Điều 466 BLDS. Từ ngày 05/01/2021 đến ngày 09/02/2023 là 25 tháng 04 ngày: 86.500.000 đồng x 0,833%/tháng x 25 tháng 04 ngày = 18.109.697 đồng (làm tròn số = 18.109.700 đồng).

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi được chấp nhận là: 86.500.000 đồng + 18.109.700 đồng = 104.609.700đồng (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận nên bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 104.609.700đồng x 5% = 5.230.485 đồng (làm tròn số = 5.230.500 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Vũ Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc đã vay là là 86.500.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* và tiền lãi phát sinh là 18.109.700 đồng (*Mười tám triệu một trăm lẻ chín nghìn bảy trăm đồng*). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 104.609.700đồng *(Một trăm linh bốn triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số

tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 10/02/2023, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Vũ Thị T phải nộp 5.230.500 đồng (năm triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang